

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/12/2022

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Bà **Hà Thị Kim Thu**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký
TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần
Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
297/2022/TLST - HNGĐ ngày 07/7/2022 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/12/2022
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị L**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Phan Thanh H**, sinh năm 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 nguyên đơn chị **Hồ Thị L** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh H tự tìm hiểu yêu thương nhau và tổ chức đám cưới
vào năm 1999, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc, có ba người con chung. Tuy nhiên, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn mà chỉ lo đi nhậu, ngoài ra anh H còn chửi vợ con vô cớ, chị L và anh H đã sống ly thân được hơn 06 tháng nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh H.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Phan Hồ T, sinh năm 2000, Phan Minh Tr, sinh năm 2007 và Phan Thanh Tr, sinh năm 2009. Ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Tr đến tuổi trưởng thành. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên T đã trưởng thành chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị L và anh H không cho ai vay nợ và cũng không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/11/2022 bị đơn anh Phan Thanh H trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Anh H và chị L tự tìm hiểu yêu thương nhau có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung anh H và chị L không có mâu thuẫn gì. Nhưng đến khoảng tháng 5/2022 thì do chị L bệnh con nên giữa anh H và chị L xảy ra mâu thuẫn và anh H và chị L đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý nhưng nếu chị L cương quyết ly hôn thì tùy chị L quyết định.

- *Về con chung:* Có 03 người con chung tên Phan Hồ T, sinh năm 2000, Phan Minh Tr, sinh năm 2007 và Phan Thanh Tr, sinh năm 2009. Con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh H và chị L tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh H thừa nhận vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề xuất như sau: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị L và ông Phan Thanh H. Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Minh Tr và Phan Thanh Tr cho bà Hồ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: áp dụng áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: bà Hồ Thị L nộp án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Hồ Thị L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị L và anh Phan Thanh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hồ Thị L và anh Phan Thanh H đều thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H được thiết lập vào năm 1999. Anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Theo chị L trình bày trong quá

trình chung sống giữa chị L và anh H có mâu thuẫn là do anh H không lo làm ăn mà chỉ lo nhậu nhẹt và còn chửi bới vợ con. Còn anh H thì cho rằng do chị L bệnh con nên giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khi chị L yêu cầu ly hôn thì được anh H.

Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H không có đăng ký kết hôn là vi phạm tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Hồ Thị L và anh Phan Thanh H là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: Có 03 người con chung tên Phan Hồ T, sinh năm 2000, Phan Minh Tr, sinh năm 2007 và Phan Thanh Tr, sinh năm 2009.

Đối với người con chung tên Phan Hồ T, sinh năm 2000 đã trưởng thành chị L và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Tr của chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng các cháu Phan Minh Tr và Phan Thanh Tr đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp các cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời theo bản tự khai ngày 09/9/2022 của cháu Phan Minh Tr và Phan Thành Tr thì hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ (chị L) sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao cháu Phan Minh Tr và Phan Thành Tr cho chị Hồ Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về nợ chung*: Các đương sự đều xác nhận là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Hồ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228; Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị L và anh Phan Thanh H là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Minh Tr, sinh năm 2007 và Phan Thanh Tr, sinh năm 2009 cho chị Hồ Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với người con chung tên Phan Hồ T, sinh năm 2000 đã trưởng thành chị L và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trong thời gian chị L nuôi con, anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các chủ nợ có quyền khởi kiện chị L và anh H ở vụ kiện khác.

5/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008041, ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Hồ Thị L và anh Phan Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến

Cao Quốc Chiến

